

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Số: 288/2005/QĐ-TTg**      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Hà Nội, ngày 08 tháng 11 năm 2005*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020**

**THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thủy sản (Tờ trình số 1954/TTr-BTS ngày 25 tháng 8 năm 2005, Công văn số 2314/TTr-BTS ngày 04 tháng 10 năm 2005) và ý kiến của các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư (Công văn số 6344/BKH-KTNN ngày 16 tháng 9 năm 2005), Tài chính (Công văn số 11361/BTC-ĐT ngày 09 tháng 9 năm 2005), Giao thông vận tải (Công văn số 5664/BGTVT-KHĐT ngày 14 tháng 9 năm 2005), Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn (Công văn số 67/UB ngày 12 tháng 9 năm 2005), Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt bão Trung ương (Công văn số 229/CLBTW ngày 09 tháng 9 năm 2005),

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt điều chỉnh Quy

hoạch khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 với các nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu và quan điểm quy hoạch:

Các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá được xây dựng thành một hệ thống, trên cơ sở lợi dụng tối đa các địa điểm có điều kiện tự nhiên thuận lợi, gần các ngư trường, vùng biển có tần suất bão cao, phù hợp tập quán của ngư dân, đảm bảo an toàn cho người và tàu cá, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do bão gây ra, đồng thời có khả năng kết hợp với việc cung cấp dịch vụ cho tàu cá ở những nơi có điều kiện, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng.

2. Phạm vi điều chỉnh quy hoạch:

Điều chỉnh vị trí các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá tại các tỉnh, thành phố ven biển và một số đảo.

Thời gian điều chỉnh quy hoạch: đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020.

3. Phân loại và định hướng tiêu chí xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá:

Căn cứ vào đặc điểm tự nhiên, tập quán của ngư dân, hệ thống các khu neo đậu tránh trú bão được phân loại theo các tiêu chí lựa chọn sau:

a) Khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Gần ngư trường trọng điểm, tập trung tàu cá của nhiều tỉnh, đáp ứng thời gian di chuyển nhanh nhất tàu cá vào tránh trú bão.

- Vùng biển có tần suất bão cao.

- Có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đảm bảo an toàn cho tàu cá neo đậu tránh trú bão.

- Có khả năng neo đậu được khoảng 800 - 1.000 tàu cá các loại trở lên (kể cả loại tàu có công suất đến 1000 CV và tàu cá nước ngoài).

b) Khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh, thành phố, đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- Gần ngư trường truyền thống của địa phương, đáp ứng thời gian di chuyển nhanh nhất cho tàu cá vào tránh trú bão.

- Có điều kiện tự nhiên thuận lợi, đảm bảo an toàn cho tàu cá neo đậu tránh trú bão.

- Đáp ứng cho các loại tàu cá của địa phương neo đậu tránh trú bão.

4. Quy hoạch hệ thống các khu neo đậu tránh trú bão đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 (có danh mục kèm theo Quyết định này):

a) Quy hoạch theo tiêu chí:

- Giai đoạn 2006 - 2010: có 75 khu neo đậu tránh trú bão. Trong đó: có 13 khu neo đậu cấp vùng, có 62 khu neo đậu cấp tỉnh.

- Định hướng đến năm 2020: tổng số có 98 khu neo đậu tránh trú bão. Trong đó: có 13 khu neo đậu cấp vùng, 85 khu neo đậu cấp tỉnh.

b) Quy hoạch theo vùng biển:

- Vùng biển vịnh Bắc Bộ: có 28 khu neo đậu, trong đó có 25 khu neo đậu ven bờ và 03 khu neo đậu ở đảo (Cô Tô - Thanh Lân, Cát Bà và Bạch Long Vĩ).

- Vùng biển miền Trung: có 39 khu neo đậu, trong đó có 34 khu neo đậu ven bờ và 5 khu neo đậu ở đảo (Cồn Cỏ, Cù Lao Chàm, Lý Sơn, Đá Tây, Phú Quý).

- Vùng biển Đông Nam Bộ: có 19 khu neo đậu, trong đó có 17 khu neo đậu ven bờ và 2 khu neo đậu ở đảo (Côn Đảo và Hòn Khoai).

- Vùng biển Tây Nam Bộ: có 12 khu neo đậu, trong đó có 7 khu neo đậu ven bờ và 5 khu neo đậu ở đảo (Nam Du, Hòn Tre và 3 khu ở Phú Quốc: An Thới, Mũi Gành Dầu, Vũng Trâu Năm).

5. Về cơ chế chính sách đầu tư



a) Ngân sách trung ương hỗ trợ đầu tư xây dựng các hạng mục công trình chủ yếu: nạo vét luồng vào, xây dựng đê chắn sóng, chắn cát, trụ neo, phao neo, hệ thống đèn tín hiệu.

Nguồn vốn ngân sách trung ương được bố trí trong kế hoạch 5 năm, hàng năm và theo chương trình mục tiêu, trên cơ sở các dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật.

b) Ngân sách địa phương bố trí vốn hàng năm để thực hiện duy tu các hạng mục công trình hạ tầng của khu neo đậu tránh trú bão và chi phí quản lý sau đầu tư.

c) Huy động vốn của các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng các hạng mục công trình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ nghề cá theo quy hoạch.

d) Quản lý thực hiện đầu tư và xây dựng:

- Bộ Thủy sản trực tiếp quản lý thực hiện đầu tư xây dựng đối với các khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng.

- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực tiếp quản lý thực hiện đầu tư xây dựng đối với các khu neo đậu tránh trú bão cấp tỉnh, thành phố.

## 6. Các dự án ưu tiên:

Trong giai đoạn 2006 - 2010: ưu tiên đầu tư xây dựng các khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng và các dự án đang đầu tư dở dang, có tính cấp thiết.

## Điều 2. Tổ chức thực hiện

### 1. Bộ Thủy sản chịu trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, hướng dẫn tổ chức thực hiện quy hoạch trong phạm vi cả nước; xây dựng và ban hành tiêu chí lựa chọn, quy chế quản lý và sử dụng các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá.

b) Phối hợp với các địa phương ven biển để xác định vị trí cụ thể các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá, đảm bảo đúng mục tiêu, tiêu chí, tránh dàn trải và xếp thứ tự để ưu tiên đầu tư dứt điểm từng công trình.

c) Thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, đảm bảo đúng mục tiêu, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

d) Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan, các địa phương ven biển tổ chức tổng kết rút kinh nghiệm việc đầu tư xây dựng các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trong từng giai đoạn, đảm bảo thực hiện tốt quy hoạch này.

### 2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố có trách nhiệm:

a) Thẩm định, phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng các khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá cấp tỉnh, trên cơ sở ý kiến thỏa thuận của Bộ Thủy sản, đảm bảo đúng mục tiêu, tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và chịu trách nhiệm về các quyết định của mình.

b) Tổ chức quản lý, sử dụng các khu neo đậu tránh trú bão sau đầu tư, đảm bảo sử dụng lâu dài, có hiệu quả.

c) Bố trí sử dụng đất theo quy hoạch, cân đối bố trí vốn theo kế hoạch 5 năm, hàng năm trên cơ sở tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng để thực hiện quy hoạch và kinh phí bảo đảm việc duy tu, quản lý các công trình.

d) Tổ chức chỉ đạo các cơ quan chức năng làm tốt công tác tuyên truyền, thông báo vị trí, quy mô, năng lực phục vụ của các khu neo đậu tránh trú bão và hướng dẫn điều động tàu cá cho ngư dân tránh trú bão an toàn; huy động nguồn vốn từ các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng các cơ sở hậu cần dịch vụ, phục vụ nghề cá tại các vị trí có điều kiện, tăng hiệu quả sử dụng các khu neo đậu tránh trú bão.

3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí vốn

theo kế hoạch 5 năm và hàng năm trên cơ sở tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng để thực hiện quy hoạch này, bảo đảm tập trung, hoàn thành dứt điểm từng công trình.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và thay thế Quyết định số 135/2001/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2001.

**Điều 4.** Bộ trưởng các Bộ: Thủy sản, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ven biển; Trưởng ban Ban Chỉ đạo phòng, chống lụt bão Trung ương; Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm Cứu nạn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG  
PHÓ THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Tấn Dũng**



**DANH SÁCH**  
**CÁC KHU NEO ĐẬU TRÁNH TRÚ BÃO CHO TÀU CÁ**  
**ĐẾN NĂM 2010 VÀ TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2020**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 288/2005/QĐ-TTg  
ngày 08 tháng 11 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ)*

Số thứ tự	Khu neo đậu tránh trú bão		Ghi chú
	Tên, vị trí	Quy mô	
	<b>Quảng Ninh</b>		
1	Vân Đồn (huyện Vân Đồn)	800ch/600cv	
2	Tiên Yên (huyện Tiên Yên)	500ch/300cv	
3	Cô Tô - Thanh Lân	600ch/600cv	
4	Thành phố Hạ Long	800ch/600cv	
5	Huyện Hải Hà	500ch/200cv	
6	Thị xã Móng Cái	500ch/200cv	
	<b>Hải Phòng</b>		
7	Cát Bà	1000ch/600cv	Cấp vùng
8	Cửa sông Văn Úc - Tiên Lãng	500ch/600cv	
9	Khu Bạch Đằng - sông Chanh	1000ch/600cv	
10	Ngọc Hải - Đồ Sơn	500ch/250cv	
11	Bạch Long Vĩ	300ch/600cv	
	<b>Thái Bình</b>		
12	Cửa sông Trà Lý	300ch/300cv	
13	Cửa Lân (Tiền Hải)	300ch/300cv	
	<b>Nam Định</b>		
14	Cửa Ninh Cơ	600ch/300cv	
	<b>Ninh Bình</b>		
15	Cửa sông Đáy (huyện Kim Sơn)	500ch/300cv	
	<b>Thanh Hóa</b>		
16	Lạch Trường (huyện Hậu Lộc)	700ch/350cv	Lựa chọn đó có 01
17	Lạch Hới (Sầm Sơn)	1000ch/600cv	khu là Cấp vùng
18	Lạch Bạng (huyện Tĩnh Gia)	800ch/400cv	
	<b>Nghệ An</b>		
19	Lạch Cờn	400ch/200cv	
20	Lạch Quèn	500ch/200cv	

09685933

Số thứ tự	Khu neo đậu tránh trú bão		Ghi chú
	Tên, vị trí	Quy mô	
21	Lạch Vạn	500ch/200cv	Cấp vùng
22	Cửa Hội - Xuân Phổ	1200ch/600cv	
	<b>Hà Tĩnh</b>		
23	Cửa Nhượng (Cẩm Xuyên)	300ch/300cv	
24	Cửa Khẩu (Kỳ Anh)	200ch/150cv	
25	Cửa Sót	300ch/150cv	
	<b>Quảng Bình</b>		
26	Cửa Gianh	800ch/300cv	
27	Cửa Nhật Lệ	600ch/300cv	
28	Đảo Hòn La	1000ch/600cv	Cấp vùng
	<b>Quảng Trị</b>		
29	Cửa Tùng	250ch/150cv	
30	Cửa Việt	350ch/300cv	
31	Đảo Cồn Cỏ	200ch/600cv	
	<b>Thừa Thiên - Huế</b>		
32	Thuận An	500ch/300cv	
33	Đâm Cầu Hai	300ch/300cv	
	<b>Đà Nẵng</b>		
34	Thọ Quang	1500ch/300cv	
35	Cửa Sông Hàn	500ch/600cv	
	<b>Quảng Nam</b>		
36	Cửa Đại (Hội An)	600ch/300cv	
37	An Hòa (Núi Thành)	1200ch/300cv	
38	Cù Lao Chàm	100ch/90cv	
39	Vụng Hồng Triều (Duy Xuyên)	1000ch/350cv	
	<b>Quảng Ngãi</b>		
40	Sa Kỳ - Cổ Lũy	1000ch/500cv	
41	Cửa Mỹ Á	400ch/400cv	
42	Đảo Lý Sơn	300ch/400cv	
43	Cửa Sa Cần (Bình Sơn)	800ch/400cv	
44	Cửa Sa Huỳnh (Đức Phổ)	500ch/400cv	
	<b>Bình Định</b>		
45	Cửa Tam Quan	1200ch/400cv	Cấp vùng

09685933



Số thứ tự	Khu neo đậu tránh trú bão		Ghi chú
	Tên, vị trí	Quy mô	
46	Đầm Đê Gi	800ch/300cv	
47	Đầm Thị Nại	1500ch/600cv	
	<b>Phú Yên</b>		
48	Vũng Rô	1000ch/600cv	
49	Vịnh Xuân Đài	1000ch/500cv	
50	Đầm Cù Mông	800ch/500cv	
51	Đông Tác (Tuy Hòa)	600ch/500cv	
	<b>Khánh Hòa</b>		
52	Đảo Đá Tây (Trường Sa)	200ch/600cv	
53	Sông Tắc - Hòn Rớ	1200ch/300cv	Cấp vùng
54	Vịnh Cam Ranh	1000ch/600cv	
55	Vũng Me	700ch/300cv	
56	Đầm Môn (Vạn Ninh)	300ch/300cv	
57	Vịnh Lương (thành phố Nha Trang)	400ch/300cv	
	<b>Ninh Thuận</b>		
58	Cửa Sông Cái	1000ch/200cv	
59	Cửa Ninh Chữ	1000ch/600cv	Cấp vùng
	<b>Bình Thuận</b>		
60	Cửa Phan Rí	800ch/300cv	
61	Cửa Phú Hải (Phan Thiết)	1000ch/250cv	Cấp vùng
62	La Gi (Hàm Tân)	1200ch/300	
63	Đảo Phú Quý	300ch/600cv	
64	Cửa Liên Hương (Tuy Phong)	300ch/300cv	
65	Cửa sông Ba Đàng (Hàm Tân)	300ch/250cv	
66	Mũi Né (Phan Thiết)	300ch/600cv	
67	Chí Công (Tuy Phong)	300ch/300cv	
	<b>Bà Rịa - Vũng Tàu</b>		
68	Cửa sông Dinh	1200ch/600cv	Cấp vùng
69	Côn Đảo	1200ch/600cv	Cấp vùng
70	Sông Cửa Lấp (Phước Tỉnh)	1200ch/300cv	
71	Lộc An (Đất Đỏ)	300ch/200cv	
72	Bình Châu (Xuyên Mộc)	300ch/90cv	
	<b>Thành phố Hồ Chí Minh</b>		
73	Cần Giờ	1000ch/600cv	

09685933

Số thứ tự	Khu neo đậu tránh trú bão		Ghi chú
	Tên, vị trí	Quy mô	
	<b>Tiền Giang</b>		
74	Cửa sông Soài Rạp (Gò Công Đông)	350ch/600cv	
	<b>Bến Tre</b>		
75	Cửa Đại (Bình Đại)	1000ch/600cv	
76	Cửa Cổ Chiên	1000ch/600cv	
	<b>Trà Vinh</b>		
77	Cửa Cung Hầu	500ch/600cv	
78	Cửa Định An	500ch/600cv	
	<b>Sóc Trăng</b>		
79	Cửa Trần Đề	1000ch/600cv	
80	Kênh Ba - Long Phú	400ch/600cv	
	<b>Bạc Liêu</b>		
81	Cửa Gành Hào	800ch/600cv	
82	Cửa Cái Cù	250ch/150cv	
83	Cửa Nhà Mát	300ch/300cv	
	<b>Cà Mau</b>		
84	Cửa Bồ Đề	1000ch/300cv	
85	Cửa sông Ông Đốc	1000ch/600cv	Cấp vùng
86	Cái Đôi Vàm	600ch/150cv	
87	Cửa Khánh Hội	700ch/150cv	
88	Đảo Hòn Khoai	200ch/300cv	
89	Cửa Rạch Gốc (Ngọc Hiển)	1000ch/45cv	Cấp vùng
	<b>Kiên Giang</b>		
90	Cửa sông Cái Lớn, Cái Bé	1000ch/600cv	
91	Cửa sông Xẻo Rô	500ch/300cv	
92	Cửa Ba Hòn	300ch/300cv	
93	Cửa Tô Châu	400ch/600cv	
94	Đảo Nam Du	1000ch/600cv	
95	Đảo Hòn Tre	1000ch/600cv	Cấp vùng
96	Vịnh An Thới (Phú Quốc)	600ch/600cv	
97	Mũi Gành Dầu (Phú Quốc)	400ch/45cv	
98	Vũng Trâu Năm (Phú Quốc)	250ch/300cv	

09685933